Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 32/2023/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 21 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Thư viện ngày 21/11/2019;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng quy định tại Quyết định quy định các mức hao phí về lao động, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu trong việc thực hiện dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ được quy định tại Quyết định này là căn cứ cho việc xây dựng phương án giá, dự toán thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ. Mức độ sử dụng ngân sách nhà nước cho việc thực hiện các dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ đối với từng sản phẩm, dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này bao gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ;

b) Các cơ quan, tổ chức khác liên quan đến hoạt động thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2.2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức có hoạt động dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức áp dụng theo quy trình tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN). Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, về nguyên vật liệu và về máy móc thiết bị sử dụng để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ bao gồm:

1. Hao phí lao động là thời gian lao động trực tiếp và gián tiếp cần thiết của các cấp bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ.

Mức hao phí của lao động trực tiếp được tính bằng công, mỗi công tương ứng với 8 giờ làm việc.

Mức hao phí của lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) tính theo tỷ lệ phần

trăm (%) của hao phí lao động trực tiếp quy định tại định mức kinh tế - kỹ thuật tương ứng ban hành kèm theo Thông tư 06/2022/TT-BKHCN;

2. Hao phí nguyên vật liệu là các loại vật liệu cần thiết được sử dụng trực tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ. Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể;

3. Hao phí máy móc, thiết bị là các loại máy móc, thiết bị được sử dụng trực tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ. Mức hao phí trong định mức được tính bằng ca làm việc, mỗi ca tương ứng với 8 giờ làm việc.

Điều 3. Định mức áp dụng

1. Áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ bằng 100% định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN.

2. Tên dịch vụ công áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này được tham chiếu và áp dụng theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN.

3. Phương pháp và cách thức áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ thực hiện theo mục II, Phần A Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN.

4. Điều kiện áp dụng và thành phần công việc thực hiện theo hướng dẫn tại Chương I, II, III, Phần B Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án giá thực hiện dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính; hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng định mức dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ theo Quyết định này.

2. Sở Tài chính thẩm định phương án giá thực hiện dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; Phối hợp kiểm tra, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào Quyết định này, xây dựng phương án giá thực hiện dịch vụ thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND: LĐVP; CV NC
- Lưu: VT, NĐ (TT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

PHỤ LỤC

ÁP DỤNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ THÔNG TIN, THỐNG KÊ, THƯ VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công		Chi tiết áp dụng theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN	
1	Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phát triển công nghệ	1.1	Biên soạn tin tức khoa học và công nghệ phát lên Cổng thông tin điện tử	Áp dụng theo khoản 1, mục 1, chương I, phần B
		1.2	Biên soạn và xuất bản tin khoa học và công nghệ giấy	Áp dụng theo khoản 3, mục 1, chương I, phần B
2	Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin, quản trị hạ tầng công nghệ thông tin khoa học và công nghệ	2.1	Quản trị hệ thống mạng	Áp dụng theo khoản 1, mục 6, chương I, phần B
		2.2	Quản trị các thiết bị công nghệ thông tin	Áp dụng theo khoản 3, mục 6, chương I, phần B
		2.3	Tổ chức phục vụ họp trực tuyến	Áp dụng theo khoản 4, mục 6, chương I, phần B
3	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông khoa học và công nghệ . Xây dựng duy trì và phát triển cổng thông tin khoa học và công nghệ . Hoạt động thư viện, thống kê trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ .	3.1	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin khoa học và công nghệ	Áp dụng theo khoản 1, mục 7, chương I, phần B
		3.2	Vận hành và phát triển cổng thông tin khoa học và công nghệ	Áp dụng theo khoản 2, mục 7, chương I, phần B
		3.3	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Áp dụng theo khoản 1, mục 8, chương I, phần B
		3.3.1	*Xử lý thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên môi trường mạng từ các đầu mối thông tin nội bộ, ngành địa phương*	
		3.3.2	*Xử lý thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp trực tiếp tại đơn vị*	
		3.4	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu công bố khoa học và công nghệ Việt Nam	Áp dụng theo khoản 2, mục 8, chương I, phần B
		3.5	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tổ chức khoa học và công nghệ	Áp dụng theo khoản 3, mục 8, chương I, phần B
		3.6	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ khoa học và công nghệ	Áp dụng theo khoản 4, mục 8, chương I, phần B
		3.7	Điều tra thống kê khoa học và công nghệ	Áp dụng theo khoản 1, chương II, phần B
		3.8	Hoạt động nghiệp vụ thống kê	Áp dụng theo khoản 2,

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công		Chi tiết áp dụng theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN	
			khoa học và công nghệ	chương II, phần B
		3.8.1	*Báo cáo thống kê cấp quốc gia về khoa học và công nghệ*	
		3.8.2	*Báo cáo hoạt động nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp*	
		3.9	Tra cứu tài liệu điện tử	Áp dụng theo khoản 1, mục 1, chương III, phần B
		3.10	Tra cứu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Áp dụng theo khoản 2, mục 1, chương III, phần B
		3.11	Tra cứu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước	Áp dụng theo khoản 3, mục 1, chương III, phần B
		3.12	Bổ sung nguồn tin khoa học và công nghệ (tài liệu giấy)	Áp dụng theo khoản 1, mục 2, chương III, phần B
		3.13	Bổ sung nguồn tin khoa học và công nghệ (tài liệu điện tử)	Áp dụng theo khoản 2, mục 2, chương III, phần B
		3.14	Biên mục nguồn tin khoa học và công nghệ và cập nhật phân hệ biên mục tài liệu giấy	Áp dụng theo khoản 3, mục 2, chương III, phần B
		3.15	Biên mục nguồn tin khoa học và công nghệ và cập nhật phân hệ biên mục tài liệu điện tử	Áp dụng theo khoản 4, mục 2, chương III, phần B
		3.16	Tiếp nhận, phân loại và xếp giá tài liệu khoa học và công nghệ	Áp dụng theo khoản 1, mục 3, chương III, phần B
		3.17	Lưu giữ, bảo quản tài liệu khoa học và công nghệ	Áp dụng theo khoản 2, mục 3, chương III, phần B
		3.18	Cấp thẻ bạn đọc tại chỗ	Áp dụng theo khoản 1, mục 4, chương III, phần B
		3.19	Phục vụ bạn đọc tại chỗ	Áp dụng theo khoản 2, mục 4, chương III, phần B